

*Doanh nghiệp có vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế, là bộ phận chủ yếu tạo ra tổng sản phẩm trong nước (GDP cấp quốc gia, GRDP cấp tỉnh/thành). Trong phát triển kinh tế, doanh nghiệp ngành công nghiệp tăng nhanh là nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, giữ vững ổn định và tạo thế mạnh hơn về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong quá trình hội nhập (World Bank, 2002).*

## Doanh nghiệp thành phố Cần Thơ: Hiện trạng phát triển và sử dụng vốn vay

 **VIỆN KT-XH TPCT,  
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH TPCT**

**S**au 10 năm thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX (2005 - 2015), nền kinh tế của thành phố Cần Thơ (TPCT) đã có bước phát triển vượt bậc: tốc độ tăng trưởng bình quân 13,98%/năm, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực, tỷ trọng các khu vực I, II, III lần lượt là 6,49% - 35,00% - 58,51%, tổng sản phẩm trên

địa bàn (giá so sánh 2010) tăng từ 21.377 tỷ đồng từ năm 2005 lên 78.062 tỷ đồng năm 2015 (gấp 3,65 lần), nâng tỷ lệ đóng góp tổng giá trị sản phẩm vào toàn khu vực đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) từ 9,36% lên 14,3%; thu nhập bình quân đầu người từ mức 12,4 triệu đồng/người/năm lên 79,4 triệu đồng/người/năm; tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai



đoạn 2005 - 2015 là 99.707 tỷ đồng, tăng bình quân 1,6%/năm, là đơn vị duy nhất trong 13 đơn vị cấp tỉnh, thành ĐBSCL thực hiện điều tiết ngân sách về Trung ương<sup>1</sup>. Kết quả này nhờ vào sự đóng góp rất lớn của hệ thống doanh nghiệp (DN) trên địa bàn thành phố trong 10 năm qua.

Trong thời gian qua, TPCT đã luôn nỗ lực tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DN. Đáng chú ý nhất là kết cấu hạ tầng, bao gồm hệ thống giao thông và các công trình phụ trợ như Sân bay quốc tế Cần Thơ, cầu Cần Thơ, cảng Cái Cui, đường Nam Sông Hậu, quốc lộ 91B,... đặc biệt là hoàn thành và thông luồng kỹ thuật dự án luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu; tăng cường các hoạt động đối ngoại thông qua việc thiết lập quan hệ hợp tác quốc tế của TPCT với các địa phương của những quốc gia khác trên các lĩnh vực thương mại, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, nông thôn, du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục,... giúp gia tăng thu hút FDI và nguồn vốn ODA vào thành phố; quy tụ gần 50 tổ chức tín dụng với 236 địa điểm có giao dịch ngân hàng thực hiện công tác huy động vốn và cho vay phát triển kinh tế địa phương<sup>2</sup>. Đặc biệt, thành phố thành lập Quỹ Bảo lãnh Tín dụng cho DN nhỏ và vừa (DNNVV)

nhằm bảo lãnh cho các DN không có đủ tài sản thế chấp nhưng có các dự án sản xuất kinh doanh khả thi, giải quyết nhu cầu về vốn cho các DNNVV; củng cố và mở rộng hệ thống các Khu, Cụm Công nghiệp<sup>3</sup>, Vườn ươm Công nghệ Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc hỗ trợ nghiên cứu phát triển các ngành có lợi thế cạnh tranh của TPCT và ĐBSCL. Trong đó, Khu Công nghiệp Trà Nóc I đã lấp đầy và là Khu Công nghiệp có quy mô lớn nhất ĐBSCL; tạo ra sự đột phá mạnh mẽ trong hiệu quả quản trị hành chính công, kết quả chỉ số Papi 2015 TPCT xếp thứ 2/63 tỉnh thành trên cả nước; ngoài ra, TPCT còn là trung tâm y tế, giáo dục với hệ thống các bệnh viện và các trường đại học, cung ứng dịch vụ khám chữa bệnh và nguồn nhân lực cho cả vùng ĐBSCL,....

Đặc điểm phát triển DN trên địa bàn TPCT và các vấn đề liên quan đến vốn, cũng như kết nối giữa DN và Ngân hàng hiện nay:

### **1. Đặc điểm phát triển doanh nghiệp trên địa bàn TPCT**

TPCT là địa phương có DN hoạt động nhiều nhất ở khu vực ĐBSCL. Số lượng DN đến tháng 8/2016 là 11.748 DN, chiếm 17,22% tổng số DN toàn khu vực, nằm trong nhóm 03 tỉnh/thành có số lượng DN chiếm ưu thế gồm Cần Thơ, Kiên Giang và Long An (Hình 1). Giai

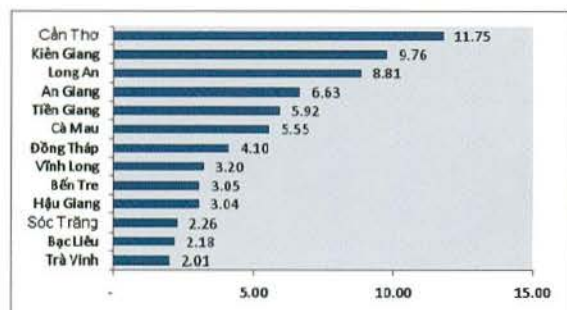
<sup>1</sup> Thành ủy Cần Thơ (8/2016), Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP. Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

<sup>2</sup> Ngân hàng Nhà nước (CN TPCT), Báo cáo kết quả thực hiện chủ đề năm 2016 của ngành Ngân hàng TPCT, 2016.

<sup>3</sup> TPCT có các KCN: Trà Nóc I, Trà Nóc II, Hưng Phú I, Hưng Phú II, Thốt Nốt, và 6 cụm công nghiệp đã được quy hoạch phát triển.



đoạn 2011 - 2015, bình quân mỗi năm số lượng DN đăng ký mới trên địa bàn thành phố là 998 DN/năm<sup>4</sup>, riêng năm 2015 là 1.123 DN.



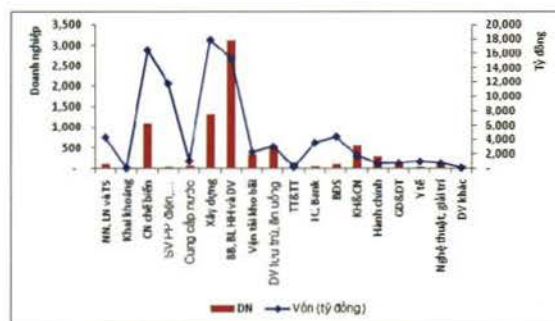
**Hình 1. Biểu đồ số lượng DN ĐBSCL phân theo tỉnh/thành (Nghìn DN, 6/2016)**

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPCT, 2016.*

Về cơ cấu DN, phần lớn DN TPCT tập trung vào 2 khu vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, trong đó quy mô vốn đầu tư của DN công nghiệp - xây dựng gấp gần 5 lần so với DN nông nghiệp và gấp 8 lần so với DN thương mại - dịch vụ<sup>5</sup>. Tỷ lệ cơ cấu phân theo số lượng DN của KVI - KVII - KVIII tương ứng là 1,06% - 21,40% - 77,54%, phân theo vốn đầu tư là 4,31% - 46,16% - 49,53%.

Theo ngành cụ thể, TPCT có tỷ lệ lớn DN ngành kinh doanh bán buôn, bán lẻ và dịch vụ sửa chữa (26,66%, tương ứng 3.132 DN); đứng thứ 2 là DN ngành xây dựng (11,13%, tương ứng 1.308 DN); đứng thứ 3 là DN ngành công nghiệp chế

biến (9,41%, tương ứng 1.106 DN); thứ 4 là ngành dịch vụ KH&CN (4,74%, tương ứng 557 DN) và thứ 5 là DN ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống (4,67%, tương ứng 594 DN). Khi xem xét tổng vốn đầu tư theo ngành thì vị trí các ngành có một chút thay đổi so với số lượng DN, đứng cao nhất là ngành xây dựng; đứng thứ 2 là ngành công nghiệp chế biến; đứng thứ 3 là ngành kinh doanh bán buôn, bán lẻ và dịch vụ sửa chữa (Hình 2).



**Hình 2. Biểu đồ số lượng và vốn đầu tư DN phân theo ngành**

*Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư TPCT, 2016.*

Các ngành chiếm tỷ trọng cao về số lượng và vốn đầu tư kể trên đều có ý nghĩa nhất định đối với phát triển kinh tế của thành phố. Đồng thời nó cũng góp phần định hình rõ nét cơ cấu của nền kinh tế của thành phố hiện nay đang thiên về thương mại - dịch vụ (TM-DV), công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp. Nếu một số lượng lớn (9.109) các DN hoạt động trong ngành bán buôn, bán lẻ và dịch vụ đã đẩy tỷ trọng KVIII lên 58,51% và trở thành trung tâm TM-DV lớn nhất ĐBSCL thì 9,41% DN của ngành công nghiệp chế biến chế tạo

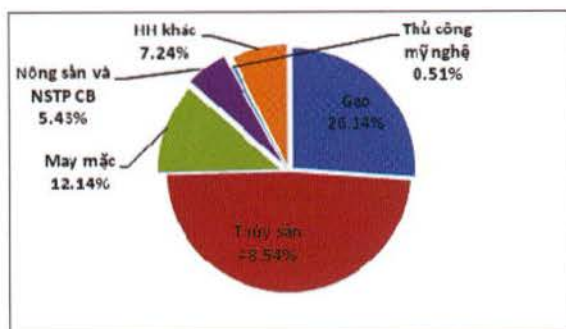
<sup>4</sup> Kiên Giang: 987 DN/năm; Long An: 822 DN/năm.

<sup>5</sup> Quy mô vốn bình quân của KVI là 22,96 tỷ đồng/DN, KVII là 109,07 tỷ đồng/DN và KVIII là 13,29 tỷ đồng/DN.



đã mang về kim ngạch xuất khẩu tương đương 35,9% GDP của thành phố theo giá hiện hành, quy đổi thành 44,8% GRDP (giai đoạn 2011 - 2015)<sup>6</sup>.

TPCT cũng là địa phương đi đầu về số lượng DN xuất nhập khẩu với 495 DN. Trong đó, DN xuất khẩu trực tiếp là 134 DN. Các ngành hàng xuất khẩu chủ yếu của TPCT bao gồm: thủy sản (41 DN), gạo (25 DN), nông sản và nông sản thực phẩm chế biến (18 DN), may mặc (6 DN)<sup>7</sup>,... Riêng 2 ngành thủy sản và gạo chiếm tỷ trọng kim ngạch lên đến 74,68% (hình 3). Hiện tại, thành phố đang xây dựng các giải pháp tăng tỷ trọng các ngành có lợi thế khác, giảm dần tỷ trọng của ngành gạo và thủy sản.



**Hình 3. Biểu đồ cơ cấu kim ngạch các mặt hàng XK TPCT thời điểm tháng 9/2016 (%)**

*Nguồn: Sở Công Thương TPCT*

Về phân loại DN, phần lớn DN trên địa bàn TPCT là DNNVV (chiếm

98,46%), trong đó DN vừa là 5,51%, còn lại là DN nhỏ và siêu nhỏ. DN lớn chỉ chiếm 1,53% (phân loại theo Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về Định nghĩa DNNVV).

#### **Các vấn đề đặt ra trong phát triển DN:**

1. Đa số DN trên địa bàn TPCT là DNNVV, còn nhiều hạn chế trong tiếp cận thị trường, vốn (đặc biệt là vốn vay ngân hàng), trình độ công nghệ, công tác quản trị doanh nghiệp,...

2. Một số ngành chiếm ưu thế, có ảnh hưởng đến phát triển chung nền kinh tế bao gồm: công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn, bán lẻ và dịch vụ sửa chữa; xây dựng; dịch vụ KH&CN; dịch vụ lưu trú và ăn uống. Ngoại trừ các ngành như sản xuất điện, ngân hàng, bệnh viện, trường học ra, có 2 ngành sản xuất có vốn đầu tư bình quân trên DN cao đó là nông nghiệp và công nghiệp chế biến chế tạo.

3. Theo DN<sup>8</sup>, nút thắt khó khăn trong phát triển của DN chế biến chế tạo là thiếu công nghệ dẫn đến sản phẩm xuất khẩu khó cạnh tranh. Thiếu vốn để đầu tư công nghệ mới; DN gặp khó khăn khi sản xuất theo chuỗi; khó tận dụng các chính sách ưu đãi do thủ tục phức tạp,...

4. Một số ngành mới được xem là có tiềm năng và lợi thế là xuất khẩu trái cây, nông sản chế biến, du lịch, logistics.

<sup>6</sup> Viện Kinh tế - Xã hội TPCT (2016), Báo cáo tham mưu nhận diện điểm nghẽn trong phát triển xuất khẩu của TP. Cần Thơ, đề xuất giải pháp trong ngắn và dài hạn.

<sup>7</sup> Sở Công Thương TPCT (2016), Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động xuất nhập khẩu của TPCT 6 tháng đầu năm 2016.

<sup>8</sup> Tham luận tại Hội thảo "Nhận diện điểm nghẽn phát triển xuất khẩu TP. Cần Thơ, xây dựng giải pháp thúc đẩy xuất khẩu trong ngắn và dài hạn" (30/6/2016).



## 2. Hiện trạng tín dụng của DN

Có 02 tín hiệu đáng mừng liên quan đến cho vay đối với DN là: (1) theo Dự báo của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TPCT, tổng dư nợ cho vay khối DN năm 2016 tăng cao hơn so với những năm trước, là một dấu hiệu khả quan cho nền kinh tế vào năm sau; (2) dư nợ cho vay dài hạn ngày một rộng rãi liệu có phải tiềm lực DN đang dần được lớn mạnh hơn, đủ khả năng chi trả lãi suất bình quân từ 9,5 - 11%/năm? (Hình 4).



**Hình 4. Biểu đồ dư nợ cho vay DN so sánh qua các năm (tỷ đồng)**

*Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TPCT*

Về cho vay xuất khẩu, đến ngày 30/9/2016 có 23 tổ chức tín dụng cho vay với dư nợ đạt 12.342 tỷ đồng, chiếm 21,02% tổng dư nợ, tăng 12,21% so với cuối năm 2015. Ước đến cuối năm 2016, dư nợ cho vay chiếm 20,90% (2015 là 20,49%).

Thông tư 06/2016/TT-NHNN đã sửa đổi một số điều khoản của Thông tư 36 cho phép các ngân hàng thương mại kéo giãn thời gian áp dụng tỷ lệ tối đa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay

trung và dài hạn. Tuy nhiên, đến tháng 9/2016 lãi suất cho vay trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh trung và dài hạn từ 9,5% - 11%/năm, không thay đổi so với thời điểm Quý I/2016<sup>9</sup>.

## 3. Một số gợi ý kết nối DN và ngân hàng trong thời gian tới

Từ kết quả phân tích trên, chúng tôi có một số gợi ý để kết nối DN và ngân hàng trong thời gian tới như sau:

a) Phát huy vai trò của Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV: hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nâng cao tài chính, uy tín cho các quỹ bảo lãnh. Cần có một mô hình phân rõ trách nhiệm giữa DN, Quỹ bảo lãnh và ngân hàng. Bởi nếu cho vay xảy ra sự cố, quỹ bảo lãnh phải gánh hết nhưng lại không được hưởng lợi gì. Trong khi đó, ngân hàng thì được hưởng lãi suất toàn bộ, nhưng lại không phải chịu trách nhiệm gì, do đó mô hình này rất không thực tế, kém hiệu quả.

b) Trước khi có mô hình mới phù hợp, các Quỹ bảo lãnh nên hỗ trợ DN thực hiện theo các chính sách ưu đãi.

c) Cần xây dựng chính sách kích cầu đầu tư theo hướng ưu đãi tín dụng đối với các ngành, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tạo động lực cho phát triển kinh tế của thành phố và theo định hướng phát triển của thành phố. Cụ thể:

<sup>9</sup> Cục Thống kê TPCT: Lãi suất huy động: không kỳ hạn: 0,8 - 1,0%/năm, trên 12 tháng: 6,4 - 7,2%/năm. Lãi suất cho vay: ngắn hạn: 7 - 9%/năm, trung và dài hạn: 9,5 - 11%/năm.



- Định hướng phát triển ngành/lĩnh vực của thành phố theo chuỗi cung ứng trong thế liên kết vùng và liên vùng;

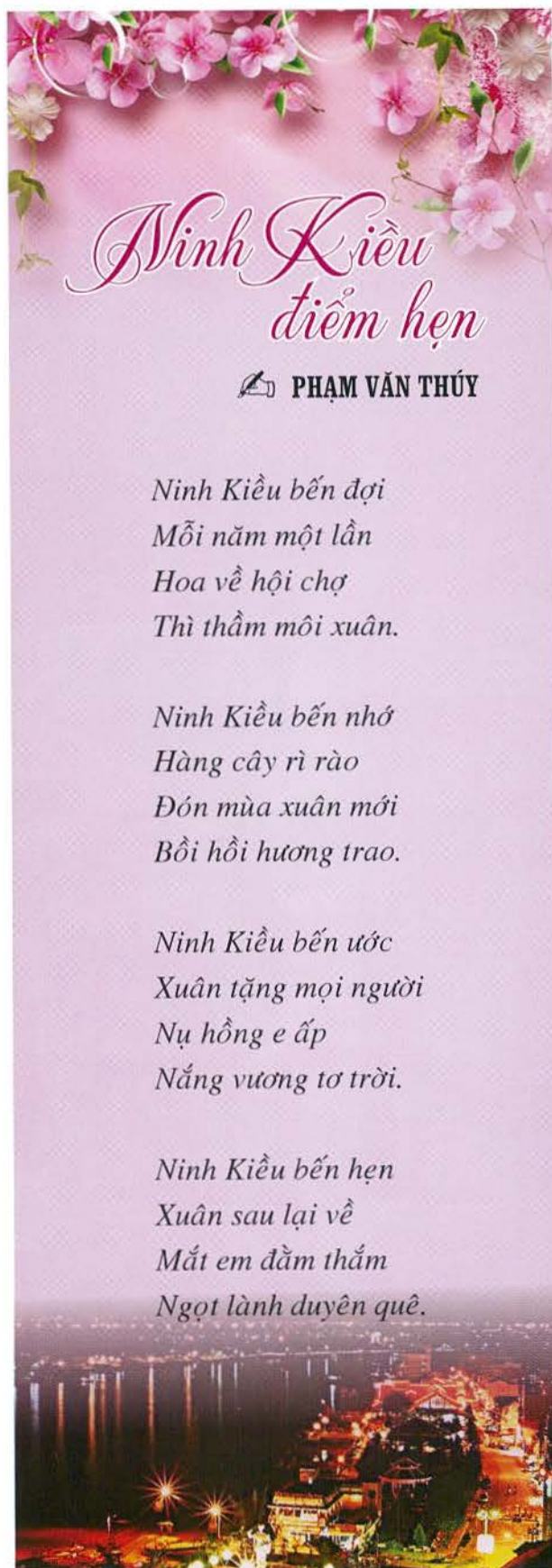
- Việc phân nhóm để có chính sách phù hợp cho từng nhóm đối tượng phải dựa trên 2 lực lượng căn bản: DN và công nghệ cao;

- Phát triển hệ thống logistics, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí cho giao thương, vận tải hàng hóa;

- Xây dựng chương trình khởi nghiệp hiện đại đúng nghĩa, trên nền tảng cạnh tranh, đổi mới và sáng tạo;

- Đối với sử dụng vốn vay ngân hàng, để giảm bớt các rủi ro đối với các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Nhà nước cần xem xét phân loại vốn vay ngắn hạn hay dài hạn theo loại đầu tư. Ví dụ: đầu tư công nghệ, nguồn nhân lực,... thì nên sử dụng vốn vay trung và dài hạn; đầu tư cho mua nguyên vật liệu, thuê TSCĐ,... thì nên sử dụng vốn ngắn hạn,...

d) Về phía DN, để tận dụng được các chính sách ưu đãi cho vay, các DN cần có chiến lược mang tính dài hạn, trong đó có liên kết với vùng nguyên liệu (sản xuất theo chuỗi). Phối hợp với nhà khoa học, chuyên gia kinh tế để DN có được các đề án phát triển bài bản, khả năng tận dụng được chính sách cao hơn. Đồng thời, sự minh bạch trong cung cấp thông tin (trừ các DN đã lên sàn) cũng cần được chú ý phát triển.



*Ninh Kiều bến đợi  
Mỗi năm một lần  
Hoa về hội chợ  
Thì thăm môi xuân.*

*Ninh Kiều bến nhớ  
Hàng cây rì rào  
Đón mùa xuân mới  
Bồi hồi hương trao.*

*Ninh Kiều bến ước  
Xuân tặng mọi người  
Nụ hồng e ấp  
Nắng vương tơ trời.*

*Ninh Kiều bến hẹn  
Xuân sau lại về  
Mắt em đắm thắm  
Ngọt lành duyên quê.*